

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÕ NHAİ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2025/DS - ST**
Ngày: 18/3/2025
“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhật và ông Hoàng Văn Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; trụ sở: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân K - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện V; người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn Đ - Trưởng phòng Khách hàng chi nhánh huyện V, có mặt;

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị O, sinh năm 1976,

Nơi đăng ký HKTT: xóm L, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: xóm L, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt;

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Đinh Quang H, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện của Nguyên đơn trình bày:

Thực hiện ủy quyền của Ngân hàng N, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V

(viết tắt là A chi nhánh huyện V) đã ký kết với bà Ngô Thị O hợp đồng tín dụng số 8504-LAV-202000624 ngày 11 tháng 3 năm 2020;

Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/hoặc nhu cầu đời sống (chi tiết theo giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 là bù đắp chi phí mua sắm đồ dùng gia đình, chi tiết theo giấy nhận nợ ngày 10/5/2022 là thanh toán chi phí trồng keo, lát). Hạn mức cho vay: 200.000.000 đồng.

Bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Gia đình bà Ngô Thị O tự nguyện giao cho A chi nhánh huyện V giữ: Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/6/2018 giữa gia đình ông Trịnh Đức H1 và bà Lê Thị U với gia đình bà Ngô Thị O. Thửa đất số: 57. Tờ bản đồ cũ. Địa chỉ thửa đất: Xóm L, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Diện tích: 189 m²; Mục đích sử dụng: Lâu dài.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 8504LAV202000624 ngày 11/3/2020, bà O còn nợ lại tiền gốc và lãi theo các giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 11/3/2020, số tiền nhận nợ là 180.000.000 đồng bà Ngô Thị O còn nợ tiền gốc 120.000.000 đồng, quá hạn lãi, gốc từ 11/3/2023;
- Giấy nhận nợ ngày 10/5/2022, số tiền nhận nợ là 80.000.000 đồng bà Ngô Thị O còn nợ tiền gốc 80.000.000 đồng, quá hạn gốc, lãi từ 10/5/2023;

Về lãi suất:

Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cho vay có điều chỉnh.

Mức lãi suất: Theo lãi suất ghi trên Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Giám đốc A chi nhánh tỉnh T công bố theo từng thời kỳ.

Lãi suất cho vay tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 bằng 12,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phí nợ trong ngày: 1% tối thiểu 500.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/3/2025.

Lãi suất cho vay tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 10/5/2022 bằng 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 10/5/2027.

Lãi suất được điều chỉnh nhiều lần theo các thời kỳ khác nhau.

Từ ngày các giấy nhận nợ trên đến hạn thanh toán, bà Ngô Thị O không thanh toán nợ gốc, nợ lãi (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) cho A Chi nhánh huyện V, tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính theo thỏa thuận. Đến ngày 12/11/2024 ông H là chồng bà O mới trả được cho Ngân hàng số tiền 15.000.000 đồng.

Tổng dư nợ Hợp đồng tín dụng số 8504LAV202000624 ngày 11/3/2020 (tạm tính đến hết ngày 18/3/2025) là 245.283.451 đồng, trong đó: T vay gốc là

185.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 51.089.726 đồng, lãi quá hạn là 9.193.725 đồng.

Từ khi bà Ngô Thị O vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, A Chi nhánh huyện V đã rất nhiều lần làm việc, đôn đốc trả nợ, đến nay bà Ngô Thị O vẫn không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Ngân hàng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Ngân hàng N, để thu hồi vốn của Nhà nước, A Chi nhánh huyện V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai giải quyết:

Buộc bà Ngô Thị O và ông Đinh Quang H thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho A Chi nhánh huyện V, tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 18/3/2025 là: 245.283.451 đồng, trong đó: T vay gốc là 185.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 51.089.726 đồng, lãi quá hạn là 9.193.725 đồng.

Bị đơn trình bày:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án và thời gian tiến hành tố tụng nhưng Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Quang H trình bày:

Ông H và bà Ngô Thị O là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 04/9/2019 tại ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, hiện tại vẫn đang là vợ chồng hợp pháp. Ngày 11/3/2020 bà O có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N chi nhánh huyện V, Hợp đồng tín dụng số 8504-LAV-202000624 ngày 11/3/2020; Mục đích vay theo giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 là bù đắp chi phí mua sắm đồ dùng gia đình, theo giấy nhận nợ ngày 10/5/2022 là thanh toán chi phí trồng keo, lát. Chúng tôi cùng thống nhất vay nợ Ngân hàng để chi tiêu cho gia đình và trồng keo, lát, tuy nhiên tôi ủy quyền cho bà O đứng tên vay nợ. Chúng tôi đã được Ngân hàng giải ngân, hiện tại tổng cộng chúng tôi còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 185.000.000 đồng bởi vì ngày 12/11/2024 tôi đã trả số tiền 15.000.000 đồng, tiền lãi do Ngân hàng tính. Do làm ăn khó khăn nên chúng tôi chưa trả được khoản nợ này. Chúng tôi xác định chúng tôi có nợ thì phải có nghĩa vụ trả nợ, nhưng chúng tôi xin được trả dần. Hiện nay bà O đang đi xuất khẩu lao động tại Singapore chưa về được. Bà O có trao đổi với tôi về việc cùng nhau trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn vắng mặt, các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên phải đưa ra xét xử tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên

đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới trả nợ cho Ngân hàng và liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án dân sự tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và bà Ngô Thị O thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Địa chỉ của Bị đơn khi ký kết hợp đồng tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên, theo thoả thuận tại khoản 5 Điều 9 Hợp đồng tín dụng hai bên thoả thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Ngân hàng, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của Bị đơn:

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú được chính quyền địa phương xác định Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã L, huyện V; nơi ở trước đây tại xóm L, xã L, huyện V nhưng hiện không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu, làm gì, không biết. Chồng của Bị đơn xác định hiện nay Bị đơn đang đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Tiến hành xác minh tại Phòng Q Công an tỉnh T được cung cấp Bị đơn đã xuất cảnh ngày 17/12/2024 qua cửa khẩu N1, chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy mặc dù Bị đơn đã xuất cảnh đi nước ngoài nhưng thời điểm xuất cảnh sau khi Tòa án thụ lý vụ án nên vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với Bị đơn theo quy định. Tại phiên toà Bị đơn vắng mặt.

Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn.

2. Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thấy:

Hợp đồng tín dụng số 8504LAV202000624 ngày 11/3/2020 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật về hình thức và nội dung.

Bị đơn đã được nhận giải ngân số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 11/3/2020 với phương thức giải ngân chuyển khoản vào tài khoản số 8504231001932 của Bị đơn tại A chi nhánh huyện V; giải ngân số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 10/5/2022 vào tài khoản của số 8504205039128 mang tên Đỗ Ngọc T1 tại A chi nhánh huyện V, thể hiện tại các Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ.

Định kỳ trả nợ theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 là 05 kỳ (trả vào ngày 11/3 hàng năm), kỳ trả nợ cuối vào ngày 11/3/2025, Bị đơn đã trả được 02 kỳ với số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 120.000.000 đồng, quá hạn lãi, gốc từ 11/3/2023. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 12/11/2024 ông Đinh Quang H đã trả cho Ngân hàng được số tiền 15.000.000 đồng, dư nợ gốc còn lại là 105.000.000 đồng.

Định kỳ trả nợ theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 10/5/2022 là 05 kỳ (trả vào ngày 10/5 hàng năm), kỳ trả nợ cuối vào ngày 10/5/2027, Bị đơn chưa trả được kỳ nào, còn nợ lại số tiền gốc 80.000.000 đồng, quá hạn gốc, lãi từ 10/5/2023.

Như vậy xác định tính đến ngày 18/3/2025 Bị đơn còn nợ số tiền gốc là 185.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo Điều 2 Hợp đồng về lãi suất cho vay, phí thể hiện:

Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cho vay có điều chỉnh.

Mức lãi suất: Theo lãi suất ghi trên Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Giám đốc A chi nhánh tỉnh T công bố theo từng thời kỳ.

Tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất vay 12,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phí nợ trong ngày: 1% tối thiểu 500.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/3/2025.

Tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 10/5/2022 thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất vay 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 10/5/2027.

Lãi suất được điều chỉnh nhiều lần đối với 02 giấy nhận nợ.

Việc thỏa thuận lãi suất của Nguyên đơn và Bị đơn trong Hợp đồng tín dụng, các Giấy nhận nợ là sự tự nguyện của các bên, phù hợp với các Quyết định của Ngân hàng về điều chỉnh mức lãi suất với từng thời điểm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, mặc dù bên vay chỉ có duy nhất Bị đơn đứng tên ký kết, tuy nhiên Bị đơn và ông Đinh Quang H là vợ chồng hợp pháp, ông H có văn bản uỷ quyền cho Bị đơn thực hiện các giao

dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng thừa nhận đây là khoản nợ chung và đã tự nguyện trả cho Nguyên đơn được số tiền 15.000.000 đồng. Do vậy Căn cứ Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xác định đây là nợ chung của vợ chồng, phía Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông H liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng Bị đơn.

Căn cứ vào dư nợ gốc và lãi suất hai bên thỏa thuận, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi tính đến ngày 18/3/2025 tại các Bảng kê lãi tiền vay ngày 18/3/2025 do Nguyên đơn cung cấp là phù hợp.

Như vậy tổng dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 8504LAV202000624 ngày 11/3/2020 tính đến ngày 18/3/2025 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 245.283.451 đồng, trong đó: T vay gốc là 185.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 51.089.726 đồng, lãi quá hạn là 9.193.725 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Toà án giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày, tuy nhiên Bị đơn có trao đổi với chồng là ông H về việc thừa nhận nợ và nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên toà ông Đinh Quang H cũng thừa nhận nợ và nghĩa vụ trả nợ, nhất trí với mức lãi suất và cách tính lãi suất như phía Nguyên đơn trình bày.

Từ những phân tích trên, xác định yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên buộc Bị đơn liên đới cùng ông Đinh Quang H phải trả cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến hết ngày 18/3/2025 là 245.283.451 đồng.

- Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai về áp dụng pháp luật, đường lối giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc Bà Ngô Thị O và ông Đinh Quang H phải trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2025) là: 245.283.451 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng*), trong đó: Tiền vay gốc là 185.000.000 đồng (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 51.089.726 đồng (*năm mươi một triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng*), lãi quá hạn là 9.193.725 đồng (*chín triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị O và ông Đinh Quang H phải chịu 12.264.173 đồng (*mười hai triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng N (chi nhánh huyện V) số tiền tạm ứng án phí 6.150.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006689 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thanh Huyền

